TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 26/2023/DS-ST Ngày: 29/5/2023 *V/v tranh chấp hụi.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT I** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT I
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 217/2022/TLS-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn E, sinh năm 1978 và bà Tạ Thị G, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mộng B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2023, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Mộng B, trình bày*:* Năm 2020, bà có làm chủ hụi, bà G, ông E có tham gia của bà 01 dây hụi.

Cụ thể như sau:

Dây hụi khui ngày 07/5/2020 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng/kỳ/tháng, định kỳ khui vào ngày 07 âm lịch hàng tháng, dây hụi có 31 chưng. Bà G tham gia 03 chưng.

Bà G hốt 01 chưng hụi ở kỳ hụi thứ năm, khui ngày 07/9/2020, bà G bỏ 1.000.000 đồng trúng thăm và hốt được số tiền 62.500.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo 1.500.000 đồng).

Từ kỳ hụi thứ nhất đến kỳ hụi thứ 4 bà G đã đóng được 8.050.000 đồng.

Sau khi hốt hụi, bà G đóng được 03 kỳ hụi chết số tiền 9.000.000 đồng.

Số tiền bà G đã đóng trước và sau khi hốt hụi là 8.050.000 đồng + 9.000.000 đồng = 17.050.000 đồng.

Số tiền bà G đã hốt là là 62.500.000 đồng – số tiền đã đóng là 17.050.000 đồng thì bà G còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi chết số tiền là 45.450.000 đồng.

Còn lại 02 chưng hụi bà G chưa hốt và đã đóng được 8 kỳ/chưng, số tiền bà G đóng của 02 chưng hụi chưa hốt là 32.100.000 đồng.

Đối trừ số tiền hụi bà G đã hốt nhưng chưa đóng hụi chết với 02 chưng hụi bà G chưa hốt thì bà G còn nợ bà B số tiền là: 45.450.000 đồng - 32.100.000 đồng = 13.350.000 đồng.

Do có nhiều hụi viên sau khi hốt hụi không đóng hụi chết cho bà, bà không còn khả năng tràn hụi nên vào ngày 20 tháng 12 năm 2020, bà tuyên bố đình hụi. Hiện nay có một số hụi viên khởi kiện E cầu bà thanh toán tiền hụi nên bà phải khởi kiện E cầu các hụi viên đã hốt hụi thanh toán tiền hụi còn nợ cho bà để bà trả cho hụi viên chưa hốt hụi.

Nay bà khởi kiện E cầu vợ chồng bà G có trách nhiệm thanh toán tiền hụi cho bà là 13.350.000 đồng và E cầu tiền lãi từ ngày 20/12/2020 âm lịch đến ngày xét xử theo lãi suất 0,83%/tháng và lãi phát sinh sau ngày 29/5/2023.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2023, bị đơn bà Trần Thị G, trình bày: Vào năm 2020 âm lịch, bà có tham gia chơi hụi do bà B làm chủ, dây hụi 3.000.000 đồng/kỳ/tháng, hụi có 31 chưng, bà tham gia 03 chưng trong đó bà đã hốt 01 chưng còn lại 02 chưng, đóng hụi đến kỳ thứ 8 thì bà B tuyên bố đình hụi, giữa bà và bà B có thỏa Bận cấn trừ tiền hụi đã hốt và 02 chưng hụi chưa hốt thì bà còn nợ bà B số tiền 13.350.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà B số tiền này.

Tòa án không ghi nhận được ý kiến ông Trần Văn E đối với E cầu khởi kiện của bà B do ông E không đến Tòa án để làm việc theo giấy mời cũng không gửi bất kỳ tài liệu nào do đó xem như ông E đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Trần Văn E, bà Tạ Thị G chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 468, 471 Bộ luật Dân sự; các điều 11, 16, 17, 20, 21, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường, chấp E cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng B đối với ông Trần Văn E, bà Tạ Thị G. Buộc ông E, bà G có trách nhiệm thanh toán tiền hụi còn nợ cho bà B số tiền 13.350.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 20/12/2020 âm lịch đến ngày 29/5/2023 theo lãi suất 0,83% và lãi phát sinh sau ngày 29/5/2023. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông E, bà G phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyễn Thị Mộng B E cầu ông Trần Văn E và bà Tạ Thị G thanh toán nợ hụi. Hiện nay, ông Trần Văn E và bà Tạ Thị G cư trú tại ấp H, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn I ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mộng B. Tại phiên tòa bà B có mặt, ông E, bà G đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt do đó căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét E cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng B đối với bà Tạ Thị G, ông Trần Văn E thanh toán số tiền nợ hụi là 13.350.000 đồng. Bà B xác định năm 2020 bà G, ông E có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, do không có khả năng duy trì dây hụi nên khi khui được 8 kỳ thì bà tuyên bố đình hụi. Ở dây hụi này bà G tham gia 03 chưng, đã hốt 01 chưng ở kỳ hụi thứ năm, còn lại 02 chưng chưa hốt đã đóng được 08 kỳ, giữa bà B và bà G đã thống nhất số tiền hiện nay bà G còn nợ bà B sau khi đối trừ nghĩa vụ là 13.350.000 đồng và bà G đồng ý thanh toán số tiền này. Tuy không ghi nhận được ý kiến của ông E đối với E cầu khởi kiện của bà B nhưng ông E và bà G là vợ chồng, việc bà G tham gia chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân nên ông E phải có nghĩa vụ cùng thanh toán nợ cho bà B số tiền 13.350.000 đồng.

[3.2] Xét E cầu tính lãi của bà B từ khi đình hụi đến khi xét xử theo lãi suất 0,83%/tháng. Ngày bà B tuyên bố đình hụi là ngày 20/12/2020 âm lịch, giữa bà B và bà G có thống nhất được số tiền sau khi đối trừ nghĩa vụ thì bà G, ông E có nghĩa vụ thanh toán cho bà B số tiền là 13.350.000 đồng nhưng đến nay bà G, ông E vẫn chưa thanh toán nên bà B E cầu tính lãi từ ngày 20/12/2020 âm lịch đến ngày xét xử và đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và các điều 16, 17, 21, 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường nên cần được chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau:

Ngày tuyên bố đình hụi 20/12/2020 âm lịch = ngày 01/02/2021 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 29/5/2023 = 27 tháng 28 ngày, theo lãi suất 0,83%/tháng = 13.350.000 đồng x 27 tháng 28 ngày x 0,83% = 3.095.153 đồng.

Tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 29/5/2023 bà G, ông E có nghĩa vụ thanh toán cho bà B là 13.350.000 đồng + 3.095.153 đồng = 16.445.153 đồng và E cầu tính lãi từ ngày 30/5/2023 đến khi trả hết nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Trần Văn E và bà Tạ Thị G phải chịu đối với số tiền có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mộng B là 16.445.153 đồng x 5% = 822.257 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mộng B không phải chịu tiền án phí do E cầu của bà B được chấp nhận. Bà B đã nộp tạm ứng án phí 402.000 đồng tại Biên lai B tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001346 ngày 12/12/2022 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các 468, 471 Bộ luật Dân sự; các điều 11, 16, 17, 20, 21, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức B, miễn, giảm, B nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận E cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng B đối với ông Trần Văn E, bà Tạ Thị G về tranh chấp hụi.

2. Buộc ông Trần Văn E, bà Tạ Thị G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mộng B số tiền nợ hụi và lãi phát sinh tính đến ngày 29/5/2023 là 16.445.153 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền vốn là 13.350.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi là 3.095.153 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm năm mươi ba đồng).

3. Kể từ ngày có đơn E cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Bận thi hành án, quyền E cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Trần Văn E và bà Tạ Thị G phải chịu nộp số tiền 822.257 đồng (Tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu

Bà Nguyễn Thị Mộng B đã nộp tạm ứng án phí 402.000 đồng (Bốn trăm lẻ hai nghìn đồng) tại Biên lai B tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001346 ngày 12/12/2022 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến